

Phát triển năng lực sử dụng từ đồng nghĩa và từ trái nghĩa cho học sinh lớp 5 ở Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp

Trần Đức Hùng*, Mai Phương Du**, Nguyễn Trương Yến Nhi***

*TS, GVC, Trường Đại học Đồng Tháp (tác giả liên hệ).

**SV ĐHGĐTH20A, Trường Đại học Đồng Tháp.

***SV ĐHGĐTH20A, Trường Đại học Đồng Tháp.

Received: 7/02/2024; Accepted: 16/02/2024; Published: 24/02/2024

Abstract: Teaching synonyms and antonyms is important in student's communication and learning, especially grade 5 in both programs: current and General Education 2018. On that basis, the article focuses on measures to teach synonyms and antonyms for grade 5 students in the direction of ability development. The content of the article will bring something new and interesting to 5th grade students, contributing to improving their ability to better receive and remember knowledge of synonyms and antonyms.

Keywords: Synonyms; antonyms; capacity development; student

1. Đặt vấn đề

Dạy học từ đồng nghĩa (ĐN) và từ trái nghĩa (TN) giúp học sinh (HS) phát triển vốn từ, làm giàu vốn từ dựa trên mối quan hệ về nghĩa, từ đó nâng cao hiệu quả giao tiếp. “Từ ĐN là những từ có nghĩa giống nhau hoặc gần giống nhau” [1, tr.8]; “Từ TN là những từ có nghĩa trái ngược nhau” [1, tr.8]. Vì thế, việc đưa ra các biện pháp dạy học từ ĐN và từ TN trong chương trình lớp 5 sẽ mang lại sự mới mẻ trong các hình thức bài tập cho HS, tạo sự tò mò, hứng thú khi học tập, đồng thời khắc phục được những khó khăn trong việc tìm kiếm ngữ liệu dạy học lớp từ có quan hệ ĐN, TN cho giáo viên (GV). Mặt khác, các biện pháp dạy học từ ĐN, từ TN có những hình thức dạy học mới đảm bảo được yêu cầu giáo dục, đồng thời mang lại một kênh thông tin hữu ích để GV lựa chọn trong quá trình thực hành tiếng Việt. Tuy nhiên, qua tìm hiểu thực tế dạy học của GV và HS, chúng tôi nhận thấy nhiều GV chưa nhận thức được tầm quan trọng của việc dạy từ ĐN, TN, sử dụng biện pháp hướng dẫn HS sử dụng từ ĐN, TN trong những tình huống giao tiếp chưa thỏa đáng. Chính vì vậy, các tiết học chưa phát huy được tính tích cực, khơi dậy tính chủ động, sáng tạo trong học tập của HS. Do đó, trong bài viết này, chúng tôi tập trung nghiên cứu phát triển năng lực (PTNL) sử dụng từ ĐN, TN cho HS lớp 5, Trường Tiểu học Lê Quý Đôn, thành phố Cao Lãnh, tỉnh Đồng Tháp, nhằm góp phần nâng cao khả năng tiếp nhận và sử dụng từ ĐN và từ TN trong giao tiếp tốt hơn.

2. Nội dung nghiên cứu

Dạy học theo định hướng phát triển năng lực là: “một xu hướng giáo dục tiên tiến trên thế giới. Trong đó, mục tiêu giáo dục không dừng lại ở những kiến thức và kỹ năng mà đặc biệt chú trọng đến năng lực học sinh khả năng thực hiện thành công các hoạt động trong bối cảnh thực tiễn cuộc sống vận dụng không chỉ kiến thức, kỹ năng mà còn bày tỏ cả thái độ, tình cảm và những phẩm chất tâm lí” [3, tr.45].

2.1. Biện pháp 1: Cung cấp mẫu câu có từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa theo ngữ cảnh

2.1.1. Ý nghĩa của biện pháp: Bằng cách đưa ra các mẫu cụ thể về lời nói hoặc mô hình lời nói, câu văn có dùng từ ĐN, từ TN, GV hướng dẫn HS tìm hiểu đặc điểm của mẫu, cơ chế tạo mẫu. Từ mẫu đó HS biết tạo ra đơn vị lời nói theo định hướng của mẫu.

2.1.2. Cách thực hiện biện pháp

Bước 1: GV cung cấp mẫu câu có dùng từ ĐN, từ TN

Bước 2: GV hướng dẫn HS phân tích mẫu để nắm được bản chất, cách đưa từ ĐN, từ TN vào trong câu ở mỗi loại mẫu.

Bước 3: HS mô phỏng tạo ra lời nói, câu văn của mình.

Bước 4: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả và tự đánh giá kết quả thực hiện lời nói, câu văn của mình và của bạn.

2.1.3. Ví dụ minh họa

Bài tập: Đặt câu với một cặp từ ĐN em vừa tìm được ở bài tập 2 [1; tr.8].

Các bước thực hiện khi hướng dẫn HS đặt câu với từ ĐN:

Bước 1: GV cung cấp mẫu câu có dùng từ ĐN.

+ Mẫu câu 1: *Quê hương em rất đẹp.*

+ Mẫu câu 2: *Bé Hà rất xinh.*

Bước 2: GV hướng dẫn HS phân tích mẫu để nắm được bản chất, cách đưa từ ĐN, từ TN vào trong câu ở mỗi loại mẫu.

Bước 3: HS mô phỏng tạo ra lời nói, câu văn của mình.

+ Mẫu câu 1: *Cái giêng này dào ông quá!*

+ Mẫu câu 2: *Vào mùa hè, nước trong hồ sen đã can.*

Bước 4: GV tổ chức cho HS báo cáo kết quả và tự đánh giá kết quả thực hiện lời nói, câu văn của mình và của bạn.

2.2. Biện pháp 2: Đa dạng hoá các hình thức dạy học tích cực

2.2.1. Ý nghĩa của biện pháp: Củng cố kiến thức về từ ĐN, từ TN; rèn luyện khả năng tư duy cho HS. Thu hút sự chú ý của HS để tạo hứng thú, kích thích sự tham học hỏi của HS.

2.2.2. Cách thực hiện biện pháp

a. Sử dụng trò chơi học tập

Bước 1: Giới thiệu tên, mục đích của trò chơi.

Bước 2: Hướng dẫn chơi.

Bước 3: Thực hiện trò chơi.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá.

b. Phương pháp dạy học theo nhóm

Bước 1: Chọn nội dung và nhiệm vụ phù hợp

GV nên lựa chọn các nội dung học tập mang tính chất tương đối khó hoặc rất khó vì với những nội dung đơn giản, dễ dàng thì việc tổ chức học tập theo nhóm sẽ làm phí thời gian và mang lại hiệu quả không cao. Cần căn cứ vào đặc điểm dạy học theo nhóm mà lựa chọn nội dung phù hợp, không nên lạm dụng hoặc áp đặt một cách máy móc, mang tính hình thức.

Bước 2: Thiết kế kế hoạch bài học

- Dựa vào mục tiêu, nội dung bài học để xác định hoạt động nào cần tổ chức dạy học theo nhóm.

- Xác định rõ tiêu chí thành lập nhóm, phương pháp dạy học chủ yếu, chuẩn bị dụng cụ (phiếu bài tập), các hoạt động của GV và HS cần thực hiện trong quá trình dạy học.

Bước 3: Tổ chức dạy học theo nhóm

- Giới thiệu chủ đề chung về giờ học, xác định nhiệm vụ của các nhóm, thành lập các nhóm làm việc.

- Chuẩn bị chỗ làm việc nhóm, thỏa thuận về quy tắc làm việc, tiến hành giải quyết nhiệm vụ.

- Chuẩn bị báo cáo kết quả.

c. Sử dụng sơ đồ tư duy

Bước 1: Giới thiệu chủ đề của sơ đồ tư duy bằng hình ảnh.

Bước 2: Hướng thực hiện sơ đồ tư duy.

Bước 3: Hoàn thành sơ đồ tư duy.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá.

d. Thi đối đáp về từ ĐN, từ TN

Bước 1: Hướng dẫn HS thi đối đáp.

Bước 2: Thực hiện thi đối đáp.

Bước 3: Nhận xét, đánh giá.

2.2.3. Ví dụ minh họa

Trò chơi giải ô chữ về từ ĐN

Bài tập: Tìm từ khoá ô chữ hàng dọc bằng cách trả lời các câu hỏi để tìm ô chữ hàng ngang.

1. Tìm từ có 7 chữ cái đồng nghĩa với từ “non sông”.

2. Tìm từ có 4 chữ cái đồng nghĩa với từ “náo nhiệt”.

3. Tìm từ có 3 chữ cái đồng nghĩa với từ “thấp” (tính từ chỉ dáng người).

4. Tìm từ có 7 chữ cái đồng nghĩa với từ “to lớn”.

5. Tìm từ có 4 chữ cái đồng nghĩa với từ “đẹp”.

6. Tìm từ có 7 chữ cái đồng nghĩa với từ “tổ ấm”.

7. Tìm từ có 7 chữ cái đồng nghĩa với từ “siêng năng”.

8. Tìm từ có 7 chữ cái đồng nghĩa với từ “cầm đầu” (danh từ chỉ người đứng đầu một bộ lạc, dân tộc).

9. Tìm từ có 6 chữ cái đồng nghĩa với từ “hên”.

Bước 1: Tên trò chơi “Giải ô chữ”.

Bước 2: Hướng dẫn chơi.

- Chia lớp thành hai đội: Tí Hon và Nhí Nhảnh; dụng cụ và thiết bị để thực hiện trò chơi là laptop, máy chiếu. Thời gian chơi là 7 phút.

- GV lần lượt chiếu các câu hỏi và yêu cầu HS tìm từ khoá ô chữ hàng dọc bằng cách trả lời các câu hỏi để tìm ô chữ hàng ngang. Khi GV chiếu câu hỏi HS của mỗi đội sẽ giơ bông hoa lên để giành quyền trả lời. Thời gian của mỗi câu hỏi là 30 giây đã được cài sẵn trong câu hỏi. Sau 30 giây mà HS không trả lời được thì đội còn lại sẽ được trả lời và nhận điểm.

- Mỗi lần trả lời là một HS khác nhau, đội nào GV chưa đếm xong mà giơ hoa là bị mất lượt. Mỗi câu trả lời đúng là 10 điểm, đội giành được quyền mà trả lời sai thì bị trừ 5 điểm/ 1 lần, đội còn lại sẽ có cơ hội trả lời, nếu đúng thì cộng 5 điểm, sai không bị trừ điểm. Từ khóa ở ô chữ hàng HS có quyền đoán sau khi đã trả lời 5 câu hỏi ở ô hàng dọc. Nếu đội nào đoán

đúng từ khóa ở ô hàng dọc thì sẽ được cộng 20 điểm, sai không bị trừ điểm.

Bước 3: Thực hiện trò chơi.

Bước 4: Nhận xét, đánh giá.

2.3. Biện pháp 3: Xây dựng hệ thống bài tập luyện thực hành từ đồng nghĩa, từ trái nghĩa

2.3.1. Ý nghĩa của biện pháp: Cung cấp cho HS một số dạng bài tập về từ ĐN, từ TN để các em rèn luyện kỹ năng thực hành; tạo hứng thú cho HS khi được tiếp xúc với nhiều dạng bài tập khác nhau; kích thích sự sáng tạo, linh hoạt của HS thông qua hệ thống bài tập phong phú và đa dạng.

2.3.2. Các bước xây dựng bài tập

Bước 1: Xác định và phân loại nhóm bài tập

Bước 2: Xây dựng hệ thống các câu lệnh

Bước 3: Lựa chọn ngữ liệu

Bước 4: Kiểm tra và hoàn thiện bài tập

2.3.3. Hệ thống bài tập

a. Bài tập nhận diện

*Về từ ĐN

BT1: Tìm và ghi vào chỗ trống những từ ĐN với các từ sau:

- To lớn:
- Đẹp:
- Bao la:
- Lung linh:

BT2: Chọn và gạch chân dưới các từ ĐN thích hợp trong ngoặc đơn để hoàn chỉnh từng câu dưới đây:

a) Câu văn cần được (đẽo, gọt, gọt giũa) cho trong sáng và súc tích.

b) Trên sân trường, mấy cây phượng vĩ nở hoa (đỏ au, đỏ chói, đỏ hoe, đỏ ửng).

c) Dòng sông chảy rất (hiền hoà, hiền lành, hiền từ, hiền hậu) giữa hai bờ xanh mượt lúa ngô.

*Về từ TN

BT3: Gạch dưới từng cặp từ TN trong mỗi thành ngữ, tục ngữ dưới đây:

- Gạn đục khơi trong.
- Gắn mực thì đen, gắn đèn thì sáng.
- Thất bại là mẹ thành công.
- Trẻ cậy cha, già cậy con.

BT4: Tìm những từ TN với mỗi từ sau:

- Đoàn kết:
- Hòa bình:
- Yêu thương:
- Hạnh phúc:

b. Bài tập vận dụng

*Về từ ĐN:

BT5: Tìm ba cặp từ ĐN nói về tính cách con người. Hãy đặt một câu với một trong ba cặp từ ĐN đó.

BT6: Viết một đoạn văn miêu tả một loài hoa/cây em yêu thích có ít nhất 2 cặp từ ĐN.

*Về từ TN:

BT7: Tìm ba cặp từ TN nói về ngoại hình của con người. Hãy đặt một câu với một trong ba cặp từ TN đó.

BT8: Em hãy viết một đoạn văn tả cảnh mà em thích có sử dụng ít nhất 2 cặp từ TN.

c. Bài tập sáng tạo

BT9: Em hãy viết một đoạn văn tả người thân/thầy cô/bạn bè của em có sử dụng ít nhất 3 cặp từ ĐN. Xác định các cặp từ ĐN đó và tìm các cặp từ ĐN tương ứng để thay thế cho các cặp từ ĐN đó.

BT10: Em hãy viết một đoạn văn tả con vật em yêu thích có sử dụng ít nhất 3 cặp từ TN. Xác định các cặp từ TN đó và tìm các cặp từ TN tương ứng để thay thế cho các cặp từ TN đó.

3. Kết luận

Như vậy, vấn đề dạy học từ ngữ trong nhà trường theo hướng phát triển năng lực cho HS đặc biệt là dạy từ ĐN, từ TN đã đặt ra những thử thách mới cho tất cả những ai tham gia vào quá trình dạy – học, đặc biệt là GV. Một trong những khó khăn trong vấn đề này của GV đó là sử dụng biện pháp nào để tiếp cận bài học với HS một cách dễ dàng và hiệu quả nhất. Vì thế, việc đưa ra các biện pháp dạy học từ ĐN và từ TN trong chương trình tiểu học sẽ mang lại sự mới mẻ trong các hình thức bài tập cho HS, tạo sự tò mò, hứng thú khi học tập, đồng thời khắc phục được những khó khăn trong việc tìm kiếm ngữ liệu dạy học lớp từ có quan hệ ĐN, TN cho GV. Tuy nhiên, để tổ chức dạy học đạt hiệu quả, GV cần thể hiện sự tận tâm, đặc biệt phải thể hiện tốt nhất vai trò của mình trong quá trình tổ chức dạy học. Có như vậy, HS mới hứng thú và sáng tạo, phát huy tốt nhất năng lực của bản thân trong giờ học./.

Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Tiếng Việt 5 tập 1*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
2. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2010), *Tiếng Việt 5 tập 2*, NXB Giáo dục Việt Nam, Hà Nội.
3. Nguyễn Hữu Hợp (2016), *Hướng dẫn dạy học theo định hướng phát triển năng lực học sinh tiểu học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.
4. Nguyễn Thiện Giáp (2002), *Từ vựng học tiếng Việt*, NXB Giáo dục, Hà Nội.